

Vấn đề về ô nhiễm nước tại làng nghề chế biến nông sản vùng đồng bằng sông Hồng

Nguyễn Thị Ngọc¹

¹ Viện Nghiên cứu châu Âu, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: ngoconguyenvass@gmail.com

Nhận ngày 29 tháng 6 năm 2020. Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 7 năm 2020.

Tóm tắt: Hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ gia đình, hoạt động canh tác nông nghiệp, sinh hoạt của người dân... đang gây ra tình trạng ô nhiễm nghiêm trọng môi trường nước tại các làng nghề chế biến nông sản khu vực đồng bằng sông Hồng. Hầu hết nước thải từ các hoạt động này đều chưa được xử lý, hoặc xử lý không triệt để trước khi thải ra môi trường. Lãnh đạo các doanh nghiệp tại đây cũng dần nhận thức được và quan tâm tới vấn nạn ô nhiễm nước “đang đe dọa” tới sinh hoạt, sản xuất của người dân và doanh nghiệp, bên cạnh vấn đề việc làm, giáo dục... Ô nhiễm nước cần phải được cơ quan quản lý nhà nước về môi trường, lãnh đạo địa phương ưu tiên giải quyết để duy trì cuộc sống bền vững của người dân. Huy động được sự tham gia của người dân, doanh nghiệp đang sản xuất, kinh doanh tại địa phương vào hoạt động bảo vệ môi trường là chìa khoá giúp các làng nghề kiểm soát được vấn nạn ô nhiễm.

Từ khoá: Chế biến nông sản, đồng bằng sông Hồng, làng nghề, ô nhiễm nước.

Phân loại ngành: Xã hội học

Abstract: Production and business activities of enterprises, households, agricultural activities, people's activities... are seriously polluting the water environment in craft villages in the Red River Delta region, which are engaged in processing agricultural products. Most of the wastewater from the activities is not treated, or treated, but not thoroughly, before being discharged into the environment. Leaders of the enterprises have been getting step by step more aware of and paying attention to the problem of water pollution, which is “threatening” the life and production of the people and enterprises, in addition to the issues of employment, education ... State environment management agencies and local leaders need to prioritise the solving of the issue of water pollution in order to maintain the people's sustainable life. Mobilising the participation of the people and enterprises engaged in production and business activities at the locality is key for craft villages in pollution control.

Keywords: Processing of agricultural products, Red River Delta, craft village, water pollution.

Subject classification: Sociology

1. Mở đầu

Đồng bằng sông Hồng gồm 10 tỉnh, trong đó có 2 thành phố lớn là Hà Nội và Hải Phòng. Hoạt động sản xuất, kinh doanh diễn ra rất sôi động ở cả khu vực đô thị và nông thôn, giúp cho đời sống vật chất của người dân ngày càng được cải thiện. Bên cạnh đó, các tỉnh này cũng đang phải giải quyết hàng loạt các vấn đề xã hội, môi trường nảy sinh. Đặc biệt là vấn đề ô nhiễm nước tại các làng nghề, trong đó có các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm.

Ô nhiễm diễn ra đối với cả nước mặt, nước ngầm từ nhiều nguồn khác nhau, chẳng hạn: hoạt động sinh hoạt của người dân; hoạt động sản xuất của doanh nghiệp, hộ gia đình; hoạt động sản xuất nông nghiệp, công nghiệp... Không khó để nhận ra hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, hộ sản xuất cá thể tại các làng nghề là nguyên nhân chính dẫn đến ô nhiễm nguồn nước tại các địa phương.

Nhiều khía cạnh về môi trường, nhận thức về ô nhiễm môi trường nước tại các làng nghề chế biến nông sản của các chủ thể gây ô nhiễm được đặt ra trong nghiên cứu này giúp lý giải thực tiễn tại sao vấn đề ô nhiễm môi trường nước vẫn đang diễn ra một cách đáng báo động tại các làng nghề. Đây là cơ sở quan trọng giúp các nhà quản lý, các nhà hoạch định chính sách phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường tại các tỉnh đưa ra giải pháp phù hợp.

Bài viết này² phân tích, đánh giá đặc điểm làng nghề chế biến nông sản và nhận thức của lãnh đạo doanh nghiệp tư nhân về vấn đề ô nhiễm môi trường nước tại làng nghề chế biến nông sản khu vực đồng bằng sông Hồng, từ đó đưa ra các khuyến nghị nhằm phát huy vai trò của giới lãnh đạo doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường nước tại khu vực này.

Nghiên cứu này được thực hiện dựa trên khảo sát thực tế về hoạt động của làng nghề chế biến nông sản và nhận thức của giới chủ doanh nghiệp (lãnh đạo) về vấn đề ô nhiễm môi trường nước đang diễn ra trên địa bàn sản xuất ở ba tỉnh khu vực đồng bằng sông Hồng là Hà Nội, Bắc Ninh và Hưng Yên. Đây là ba tỉnh tập trung số lượng lớn làng nghề và doanh nghiệp chế biến nông sản khu vực đồng bằng sông Hồng. Đồng thời nghiên cứu này cũng được thực hiện dựa trên dữ liệu từ các báo cáo của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố và dữ liệu thu thập được từ báo cáo của các Hiệp hội làng nghề Việt Nam.

Phương pháp nghiên cứu được dựa trên cách tiếp cận định giá ngẫu nhiên (Contingent Valuation Method - CVM), từ đó xác định mức sẵn lòng tham gia và chi trả cho các hoạt động bảo vệ môi trường, không cho phép ô nhiễm tiếp tục xảy ra. Với tổng số mẫu được điều tra chính thức là 150 mẫu, trong đó có 100 mẫu tại làng nghề chế biến nông sản của Hà Nội và 50 mẫu còn lại tại Bắc Ninh và Hưng Yên. Lãnh đạo doanh nghiệp tư nhân bao gồm: chủ doanh nghiệp, người đại diện, người sở hữu doanh nghiệp, người tham gia quản lý, điều hành trực tiếp hoạt động sản xuất của doanh nghiệp tư nhân tại làng nghề.

2. Khái quát về làng nghề chế biến nông sản khu vực đồng bằng sông Hồng

Có nhiều cách hiểu khác nhau về làng nghề, chẳng hạn làng nghề là một nơi quần cư đông người, sinh hoạt có tổ chức, có kỷ cương tập quán riêng theo nghĩa rộng. Làng nghề không những là một làng sống chuyên nghề mà là những người cùng nghề sống hợp quần thể để phát triển tạo ra việc làm

lúc nông nhàn. Đặc trưng của các làng nghề Việt Nam đó là vừa phát triển kinh tế, vừa giữ gìn bản sắc dân tộc và nó có những đặc trưng khác biệt của địa phương so với các địa phương khác [5, tr.6], [10, tr.6].

Làng nghề là một thực thể vật chất và tinh thần được tồn tại cố định về mặt địa lý, ổn định về nghề nghiệp hay một nhóm các nghề có mối liên hệ mật thiết với nhau để làm ra một sản phẩm, có bề dày lịch sử và được tồn tại lưu truyền trong dân gian [4, tr.61-68].

Về mặt pháp lý, tại Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 07 năm 2006 của Chính phủ quy định, làng nghề là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự trên địa bàn một xã, thị trấn, có các hoạt động ngành nghề nông thôn, sản xuất ra một hoặc nhiều loại sản phẩm khác nhau [1].

Làng nghề có thể chia ra làm các nhóm theo chất liệu tạo ra sản phẩm: mây tre đan (kể cả các sản phẩm đan lát); bện thủ công (kể cả bàn ghế, nón lá); cói; gốm sứ; sơn mài, khảm trai; thêu ren; dệt (vải, khăn tay, áo, khăn quàng, kể cả dệt thổ cẩm); đồ gỗ (đồ mộc dân dụng, gỗ mỹ nghệ, điêu khắc gỗ, làm trống); đá mỹ nghệ; giấy; tranh nghệ thuật (bằng hoa khô, tre hun khói, lá

khô, ốc...), hoa các loại (bằng vải, lụa, giấy); trò chơi dân gian (sản xuất và biểu diễn, biểu diễn rối cạn, rối nước, tò he); sản phẩm kim khí (đồ đồng, sắt, nhôm...); chế biến nông sản và thực phẩm (các loại nước chấm, bún bánh, miến dong, rượu, trà, mạch nha, mật...); cây cảnh (trồng và kinh doanh). Việc phân nhóm trên chỉ mang tính chất tương đối, bởi cho đến nay chưa có nghiên cứu đầy đủ về phương pháp luận phân nhóm làng nghề.

Theo Hiệp hội Làng nghề Việt Nam, sản phẩm làng nghề bao gồm: mây, tre đan; gốm, sứ, pha lê; dâu tằm; thêu, dệt, lụa; đánh bắt, chế biến hải sản; đúc đồng, chạm bạc; đóng, sửa chữa tàu thuyền; sản xuất hàng dân dụng; hoa, cây cảnh; làm chiếu; thủ công mỹ nghệ; điêu khắc, chạm khắc gỗ; sơn mài; làm giấy; làm trống; chế biến thực phẩm.

Làng nghề chế biến nông sản là làng mà người dân có nghề sản xuất ra các sản phẩm phục vụ nhu cầu ăn, uống của người dân từ các loại nông sản sẵn có, chẳng hạn chế biến chè, làm tương, làm bún, bánh, kẹo, trồng rau an toàn... Hiện nay, khu vực đồng bằng sông Hồng có khoảng 107 làng nghề chế biến nông sản (trong tổng số 885 làng nghề), chiếm 12,1% (Bảng 1).

Bảng 1: Số lượng làng nghề chế biến nông sản và các làng nghề khác tại khu vực đồng bằng sông Hồng

Tên ngành nghề	Hà Nội	Vĩnh Phúc	Bắc Ninh	Hung Yên	Thái Bình	Nam Định	Hải Dương	Ninh Bình	Hà Nam	Hải Phòng
Chế biến, bảo quản nông sản	50	0	4	10	22	6	13	4	8	10
Các ngành nghề khác	257	27	35	35	232	35	58	16	37	26
Tổng	307	27	39	45	254	41	71	20	45	36
Tỷ lệ %	16,3	0,0	10,3	22,2	8,7	14,6	18,3	20,0	17,8	27,8

Nguồn: Thống kê của tác giả năm 2020

Rõ ràng, làng nghề chế biến nông sản thuộc nhóm làng nghề có số lượng đáng kể tại khu vực đồng bằng sông Hồng, trong đó Hà Nội là nơi có nhiều làng nghề chế biến nông sản nhất. Điều này có thể được lý giải bởi một số lý do sau:

Thứ nhất, làng nghề chế biến nông sản nói riêng và làng nghề nói chung tại Việt Nam luôn gắn liền với đời sống của người dân nông thôn, thu hút đông đảo lực lượng lao động, đồng thời là nguồn thu nhập chính của phần lớn các hộ gia đình. Tại Hà Nội, nhiều làng nghề chế biến nông sản ra đời từ rất lâu và duy trì cho đến ngày nay, một số khác được ra đời kể từ sau khi nước ta thống nhất. Đây là ngành nghề thứ hai sau canh tác ngoài đồng ruộng ở nhiều vùng nông thôn [5, tr.10-20].

Thứ hai, vùng đồng bằng sông Hồng là khu vực sản xuất và cung ứng lương thực lớn nhất ở phía bắc. Đây là khu vực có địa hình bằng phẳng, nơi hạ lưu của các con sông lớn, nguồn cung cấp nước dồi dào và ổn định nên người dân trong khu vực phát triển nghề trồng lúa nước từ rất sớm. Đến nay, đây vẫn là “vựa lúa” của cả nước. Thêm vào đó, đồng bằng sông Hồng có lực lượng lao động dồi dào và thị trường tiêu thụ sản phẩm nông sản rộng lớn. Đây là điều kiện ban đầu khá thuận lợi cho ngành chế biến nông sản phát triển trong những năm qua, góp phần quan trọng vào công tác xóa đói giảm nghèo, nâng cao thu nhập của người dân ở địa phương.

Thứ ba, nghề chế biến nông sản cần lượng vốn không nhiều, quay vòng vốn nhanh, giải quyết nhiều việc làm và thường được thực hiện trong các gia đình nông dân trong lúc nông nhàn để tạo ra các sản phẩm phục vụ chính gia đình và người dân trong

khu vực (như các loại bánh, kẹo, miến, bún...). Nhiều làng nghề chế biến nông sản của khu vực đồng bằng sông Hồng đã góp phần đáng kể vào bản đồ ẩm thực đa sắc màu của Việt Nam, đồng thời có mặt trên thị trường của nhiều nước trên thế giới. Nói cách khác các làng nghề chế biến nông sản ở Việt Nam nói chung và khu vực đồng bằng sông Hồng nói riêng vừa giúp phát triển kinh tế, vừa giữ gìn bản sắc dân tộc và nó có những đặc trưng khác biệt của địa phương này so với các địa phương khác.

Để phát triển làng nghề chế biến nông sản truyền thống nói riêng và làng nghề nói chung, Chính phủ Việt Nam có nhiều giải pháp khác nhau nhằm đảm bảo nguồn nguyên liệu cho sản xuất, đồng thời phát triển mạnh mẽ hoạt động sản xuất của các làng nghề. Chẳng hạn, Chương trình mỗi xã một sản phẩm (OCOP) là chương trình phát triển kinh tế quan trọng, nhằm thúc đẩy kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị. Đây là giải pháp nhưng cũng là nhiệm vụ trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Trọng tâm của chương trình OCOP là phát triển sản phẩm nông nghiệp, phi nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế ở mỗi địa phương theo chuỗi giá trị, do các thành phần kinh tế tư nhân (doanh nghiệp, hộ sản xuất) và kinh tế tập thể thực hiện.

Có thể khái quát một số đặc điểm sản xuất và sản phẩm của làng nghề chế biến nông sản khu vực đồng bằng sông Hồng như sau: (i) Các sản phẩm trước đây được sản xuất theo phương pháp thủ công truyền thống, dựa chủ yếu vào kinh nghiệm, bí quyết, đôi bàn tay khéo léo của người thợ nhưng ngày nay một số công đoạn sản xuất

ra sản phẩm được áp dụng công nghệ, kỹ thuật trong sản xuất. Vì vậy, một phần nhân lực được giải phóng, số lượng sản phẩm sản xuất ra vẫn đảm bảo đáp ứng được nhu cầu thị trường. Đây là tiến bộ đáng kể của làng nghề chế biến nông sản hiện nay so với trước đây và so với các làng nghề khác; (ii) Việc tổ chức sản xuất các sản phẩm trong các làng nghề chế biến nông sản chủ yếu ở quy mô hộ gia đình, một số đã có sự phát triển thành tổ chức hợp tác xã và doanh nghiệp tư nhân. Tuy nhiên, hình thức sản xuất hộ gia đình vẫn là phổ biến. Với hình thức này, hầu như tất cả các thành viên trong hộ đều được huy động vào làm những công việc khác nhau của quá trình sản xuất. Tùy theo nhu cầu công việc, hộ gia đình có thể thuê mướn thêm người lao động thường xuyên hoặc lao động thời vụ. Tổ chức kinh doanh theo hộ gia đình đảm bảo được sự gắn bó giữa quyền lợi và trách nhiệm, huy động được mọi lực lượng có khả năng lao động tham gia, tận dụng được thời gian và nhu cầu đầu tư thấp (sử dụng ngay nhà ở làm nơi sản xuất). Đây là hình thức tổ chức thích hợp với quy mô nhỏ. Thực tế cho thấy, mô hình này hạn chế rất nhiều khả năng phát triển kinh doanh. Để khắc phục tình trạng đó, các doanh nghiệp tư nhân có tư cách pháp lý, có hình thức tổ chức sản xuất chặt chẽ hơn dần hình thành. Đây là điều kiện thuận lợi để các làng nghề chế biến nông sản phát triển mạnh mẽ hơn nữa trong thời gian tới; (iii) Các làng nghề chế biến nông sản cơ bản vẫn mang tính nhỏ lẻ, phân tán, mặt bằng sản xuất nhỏ hẹp, cơ sở sản xuất lẫn vào khu dân cư... Tính kết gắn trong sản xuất và tiêu thụ giữa các làng nghề gần như không có. Điều này gây nên một số bất lợi khi sản xuất các sản phẩm có

số lượng lớn; (iv) Công nghệ sản xuất của các làng nghề còn lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Hầu hết các làng nghề chưa có hệ thống xử lý khí thải, nước thải... Nước thải đổ trực tiếp hoặc hoà cùng nước thải sinh hoạt ra hệ thống mương, kênh, ao hồ, sông tại các làng nghề, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng và ảnh hưởng đến sức khỏe người dân. Thêm vào đó, hầu hết các cơ sở sản xuất làng nghề thường nằm xen kẽ giữa khu dân cư, nên việc xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải gặp nhiều khó khăn với chi phí tốn kém [8]; (v) Sản phẩm và quy trình sản xuất tại các làng nghề chế biến nông sản còn chưa đảm bảo. Tình trạng sản phẩm và quy trình sản xuất tại cơ sở không đạt yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm còn diễn ra ở nhiều nơi. Chẳng hạn, tại làng nghề Cổ Hoàng, xã Hoàng Long (huyện Thường Tín) chuyên sản xuất bánh kẹo lớn nhất của Hà Nội, với sản lượng hàng chục tấn mỗi ngày, nhưng vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm tại đây vẫn là một mối lo. Điều kiện sản xuất của nhiều cơ sở hết sức sơ sài và chưa được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm dù đã hoạt động hàng chục năm qua... [9].

3. Nhận thức của lãnh đạo doanh nghiệp tư nhân về ô nhiễm nước tại làng nghề chế biến nông sản vùng đồng bằng sông Hồng

Nhận thức của lãnh đạo doanh nghiệp tư nhân về ô nhiễm môi trường nước là một quá trình các hiện tượng ô nhiễm môi trường nước, tác động của chúng tới sức khỏe con người, tác động tới hoạt động sản xuất... tại làng nghề được lãnh đạo

doanh nghiệp nhận thức và có thái độ ứng xử phù hợp. Từ thực tế hiện tượng ô nhiễm môi trường nước diễn ra tại các làng nghề, các chủ thể này bước đầu đã nhận thức được mức độ ô nhiễm, tiếp đến họ sẽ tìm hiểu và nhận thức được nguồn gốc gây ô nhiễm, tác động của ô nhiễm, cao nhất là họ sẽ có các phản ứng bằng thái độ, hành vi đối với thực tế này.

Hiện nay, các làng nghề chế biến nông sản khu vực đồng bằng sông Hồng đang

phải đối mặt với nhiều vấn đề như phát triển kinh tế, thu nhập của người dân, giáo dục, tội phạm, bất bình đẳng, ô nhiễm môi trường, sức khỏe... Đây là nhận định trong Báo cáo phát triển kinh tế - xã hội, Báo cáo môi trường hàng năm của các tỉnh khu vực đồng bằng sông Hồng, đồng thời cũng là những vấn đề được đặt ra trong các câu hỏi đối với lãnh đạo các doanh nghiệp chế biến nông sản khi tiến hành khảo sát tại làng nghề.

Bảng 2: Đánh giá của lãnh đạo doanh nghiệp tư nhân về các vấn đề thách thức tại đồng bằng sông Hồng hiện nay

Các vấn đề thách thức đặt ra đối với làng nghề chế biến nông sản	Số mẫu trả lời	Tỷ lệ (%)
Ô nhiễm môi trường (nước, đất, không khí, chất thải rắn)	125	83,3
Phát triển kinh tế	120	80,0
Chất lượng giáo dục	111	74,0
Mai một nghề làng nghề	100	66,7
Phát triển cơ sở hạ tầng	80	53,3
Tội phạm, bạo lực, bất bình đẳng	68	45,3
Nghèo khó	20	13,3

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả năm 2020

Bảng 2 cho thấy, hầu hết lãnh đạo doanh nghiệp chế biến nông sản rất quan tâm vấn đề ô nhiễm môi trường, trong đó có ô nhiễm môi trường nước (83,3%); vấn đề phát triển kinh tế (80,0%); vấn đề chất lượng giáo dục (74,0%); vấn đề mai một làng nghề (66,7%); phát triển cơ sở hạ tầng (53,3%); tội phạm, bạo lực, bất bình đẳng (45,5%); nghèo khó (13,3%).

Điều này cho thấy, trong giai đoạn hiện nay, lãnh đạo các doanh nghiệp tư nhân

quan tâm tới rất nhiều vấn đề gắn trực tiếp với hoạt động sản xuất, kinh doanh, sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, của cộng đồng địa phương. Trong đó, vấn đề ô nhiễm môi trường được họ quan tâm hàng đầu. Điều này cho thấy sự thay đổi đáng kể trong nhận thức về vấn đề môi trường so với các vấn đề khác của lãnh đạo doanh nghiệp hiện nay. Trước năm 2010, các vấn đề mà họ quan tâm hàng đầu tại các làng nghề là vấn đề giáo dục, nghèo khổ

chứ không phải là vấn đề môi trường và phát triển kinh tế như hiện nay [3].

Trên thực tế, mức độ quan tâm của các lãnh đạo doanh nghiệp tư nhân tới các vấn đề này cũng rất khác nhau. Có những người rất quan tâm và cũng có những người chỉ quan tâm ở mức độ vừa phải.

Điều này được minh chứng thông qua việc đề cập tới vấn đề ô nhiễm môi trường nói chung và ô nhiễm môi trường nước nói riêng trong các Báo cáo đánh giá về tình hình hoạt động, sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp hàng năm (Bảng 3).

Bảng 3: Thang đánh giá sự ưu tiên quan tâm của lãnh đạo doanh nghiệp tư nhân đối với các vấn đề nảy sinh tại làng nghề

Mức độ ưu tiên Các vấn đề	Ưu tiên		Rất ưu tiên		Đặc biệt ưu tiên	
	Số phiếu	%	Số phiếu	%	Số phiếu	%
Ô nhiễm môi trường (nước, đất, không khí, chất thải rắn)	51	34,3	45	30,0	29	19,3
Phát triển kinh tế	50	33,3	49	32,6	30	20,0
Chất lượng giáo dục	20	13,3	41	27,3	50	33,3
Mai một nghề làng nghề	32	21,3	30	20,0	38	25,3
Phát triển cơ sở hạ tầng	25	16,7	30	20,0	25	16,7
Tội phạm, bạo lực, bất bình đẳng	19	12,6	29	19,3	20	13,3
Nghèo khó	6	4,0	10	6,6	4	2,6

Ghi chú: ưu tiên (từ 1-2 điểm); rất ưu tiên (từ 3-4 điểm); rất ưu tiên (5 điểm)

Nguồn: Số liệu điều tra của tác giả năm 2019-2020

Bảng 3 cho thấy, ở mức độ đặc biệt ưu tiên thì vấn đề ô nhiễm môi trường xếp ở vị trí thứ tư sau chất lượng giáo dục, phát triển kinh tế, mai một làng nghề. Ở mức độ rất ưu tiên, vấn đề ô nhiễm môi trường được xếp thứ hai, sau phát triển kinh tế. Ở mức độ ưu tiên thì vấn đề ô nhiễm môi trường đứng đầu tiên sau đó mới đến các vấn đề khác (như phát triển kinh tế, giáo dục...). Như vậy, với kết quả khảo sát trên cho thấy, vấn đề ô nhiễm môi trường được lãnh đạo doanh nghiệp ưu tiên quan tâm nhưng mức độ ưu tiên còn khác nhau. Điều này rất dễ

hiểu bởi, bên cạnh vấn đề môi trường, lãnh đạo doanh nghiệp còn phải quan tâm đến các khía cạnh nhằm duy trì hoạt động và phát triển doanh nghiệp. Bên cạnh đó, họ còn là người chủ gia đình nên các vấn đề liên quan đến giáo dục, tội phạm cũng được ưu tiên quan tâm.

Tại hầu hết các làng nghề, trong đó có làng nghề chế biến nông sản ở khu vực đồng bằng sông Hồng, ô nhiễm môi trường nước đang diễn ra khá nghiêm trọng [2, tr.20], nhất là tại các hồ, ao và lưu vực sông chảy qua. Mức độ ô nhiễm phụ thuộc

vào yếu tố thủy văn, thời tiết (tăng cao vào mùa khô) và đặc biệt phụ thuộc vào việc kiểm soát các nguồn thải. Tại các khu vực bị ô nhiễm, hầu hết là ô nhiễm hữu cơ, các thông số ô nhiễm đặc trưng BOD₅, COD, TSS, tổng N, tổng P, Coliform [2, tr.25] vượt ngưỡng giới hạn cho phép. Chẳng hạn, làng nghề nấu rượu Phú Lộc (Hải Dương), toàn bộ nước thải của gần 200 cơ sở kinh doanh làm nghề nấu rượu được xả thẳng xuống ao, rồi đổ ra kênh thủy nông, chảy ngang qua thôn mà không qua bất cứ công đoạn xử lý nào. Còn ở làng nghề làm bánh đa Tống Bồng (Hải Dương), nước thải sau khi sản xuất bánh đa không qua xử lý, được thải trực tiếp ra hệ thống thoát nước chung của làng. Kết quả quan trắc môi trường nước mặt của Trung tâm Quan trắc và Phân tích môi trường tỉnh Hải Dương cho thấy, hàm lượng COD vượt từ 12-15 lần, TSS

vượt từ 2-3 lần, Coliform vượt từ 11-19 lần, Amoni vượt từ 12-16 lần, Photphat vượt từ 26-31 lần tiêu chuẩn cho phép [7].

Như vậy, ô nhiễm môi trường nước tại các làng nghề do nước thải từ hoạt động sản xuất, chế biến nông sản đều đổ trực tiếp ra hệ thống kênh, mương, ao, hồ. Nhiều làng nghề có lưu lượng nước thải lớn, các kênh mương tiêu thoát chung cả nước mưa và nước thải bị bồi lắng, cản trở dòng chảy, làm tăng nguy cơ ô nhiễm (chẳng hạn làng nghề sản xuất bún, bánh, chế biến miến, bánh kẹo...).

Để đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường nước tại các làng nghề chế biến nông sản, khảo sát đối với lãnh đạo doanh nghiệp tư nhân cũng cho thấy, hầu hết họ đều nhận thấy ô nhiễm môi trường nước đang diễn ra ở mức độ cao.

Bảng 4: Mức độ đồng ý với các phát biểu về ô nhiễm môi trường nước tại làng nghề chế biến nông sản khu vực đồng bằng sông Hồng

Các vấn đề	Mức độ đồng ý	Không đồng ý	Phân vân	Đồng ý	Khá đồng ý	Rất đồng ý	Điểm trung bình
Ô nhiễm môi trường nước đang diễn ra nghiêm trọng tại làng nghề	1	11	15	30	93	4,35	
Nước thải có mùi đặc biệt khó chịu	3	1	21	50	75	3,75	
Nước thải có màu đen kịt...	1	9	22	40	78	4,23	
Lượng nước thải tại làng nghề rất lớn	2	4	28	45	71	4,19	

Ghi chú: Không đồng ý ứng với 1 điểm; phân vân 2 điểm; đồng ý 3 điểm; khá đồng ý 4 điểm và rất đồng ý 5 điểm.

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả năm 2019-2020

Như vậy, kết quả bảng 4 cho thấy, hầu hết lãnh đạo các doanh nghiệp đều rất đồng tình với đánh giá cho rằng, ô nhiễm môi trường nước tại làng nghề diễn ra

nhân trọng, với điểm trung bình là 4,35. Chi tiết hơn, họ cho rằng nước thải có mùi khó chịu ở mức điểm 3,75 điểm, nước thải có màu đen kịt là 4,25 điểm, lượng nước

thải tại làng nghề lớn là 4,19 điểm. Khi sống ở khu vực nước thải có mùi khó chịu, cơ thể con người sẽ dần thích nghi và thường có xu hướng “bỏ qua” mùi đó, cho nên điểm đánh giá thấp hơn so với các ý kiến còn lại.

Nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường nước tại các làng nghề chế biến nông sản khu vực đồng bằng sông Hồng xuất phát chủ yếu từ hoạt động sản xuất, chế biến của hộ gia đình, doanh nghiệp; tiếp đến là hoạt động sinh hoạt của người dân; hoạt động sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ... (Bảng 5). Trong đó, công đoạn

sản xuất gây ô nhiễm nước tại các làng nghề chế biến nông sản rất khác nhau. Chẳng hạn, nước thải từ các doanh nghiệp làm bún, bánh chứa hàm lượng tinh bột cao, chủ yếu được phát sinh từ khâu ngâm nguyên liệu, súc rửa máy móc, làm sạch sản phẩm; làng nghề chế biến miến, nước thải ô nhiễm chủ yếu tạo ra do quá trình ngâm, làm sạch nguyên liệu...

Nguyên nhân gây ô nhiễm nước tại các làng nghề khu vực đồng bằng sông Hồng, cũng được nghiên cứu chỉ ra thông qua kết quả khảo sát ở bảng 5 dưới đây:

Bảng 5: Các nguồn gây ô nhiễm nước tại làng nghề chế biến nông sản khu vực đồng bằng sông Hồng

Nguồn gây ô nhiễm	Số mẫu chọn	Tỷ lệ chọn (%)	Mức độ gây ô nhiễm					
			Thấp		Trung bình		Cao	
			Số mẫu chọn	Tỷ lệ (%)	Số mẫu chọn	Tỷ lệ (%)	Số mẫu chọn	Tỷ lệ (%)
Từ hoạt động sản xuất làng nghề	75	50,0	5	3,3	20	13,3	50	33,3
Từ sinh hoạt của người dân	25	16,6	8	5,3	9	6,0	8	5,3
Từ hoạt động sản xuất nông nghiệp	14	9,4	3	2,0	7	4,7	4	2,7
Từ hoạt động sản xuất công nghiệp	22	14,7	5	3,3	10	6,7	7	4,7
Từ hoạt động thương mại	12	8,0	3	2,0	6	4,0	3	2,0
Từ các nguồn khác	2	1,4	1	0,7	1	0,7	0	0,0

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả năm 2019-2020

Như vậy, 50% số mẫu khảo sát cho rằng, nguồn gây ô nhiễm nước do hoạt động sản xuất của các làng nghề chế biến nông sản, tiếp đến là 16,6% từ sinh hoạt của người

dân, 9,4% cho rằng từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, 14,7% từ hoạt động sản xuất công nghiệp, 8,0% từ hoạt động thương mại và 1,4% cho các nguồn khác. Đánh giá sâu

hơn về mức độ gây ô nhiễm của từng nguồn này có thể thấy rõ, đa số các lãnh đạo doanh nghiệp cho rằng, mức độ gây ô nhiễm từ hoạt động sản xuất của làng nghề chế biến nông sản là rất cao (chiếm 33,3%), gây ô nhiễm ở mức trung bình (chiếm 13,3%), gây ô nhiễm thấp (chiếm 3,3%). Đối với các nguồn gây ô nhiễm khác, hầu hết được các đối tượng khảo sát cho rằng, mức gây ô nhiễm ở mức trung bình. Điều này cũng phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của các làng nghề đã được trình bày ở trên.

Với đánh giá này, rõ ràng lãnh đạo các doanh nghiệp tư nhân tại các làng nghề chế biến nông sản khu vực đồng bằng sông Hồng đã có nhận thức đúng về tình hình ô nhiễm, cũng như là nguyên nhân gây nên ô nhiễm tại các làng nghề. Đây là cơ sở quan trọng để huy động sự tham gia của họ vào hoạt động bảo vệ môi trường nước tại các làng này trong tương lai.

Các hoạt động bảo vệ môi trường đang được thực hiện tại các làng nghề cũng được các lãnh đạo doanh nghiệp nhận thức khá rõ ràng (Bảng 6).

Bảng 6: Đánh giá mức độ nhận thức về các hoạt động bảo vệ môi trường nước tại làng nghề chế biến nông sản khu vực đồng bằng sông Hồng

Hoạt động bảo vệ môi trường nước	Tỉ lệ các mức đánh giá (%)					Điểm trung bình
	1	2	3	4	5	
Nhà nước cần có những quy định chặt chẽ hơn nhằm kiểm soát nguồn nước thải gây ô nhiễm	5,3	6,7	21,3	26,0	40,7	3,9
Cần kiểm tra, giám sát chặt chẽ, xử phạt nghiêm khắc các trường hợp gây ô nhiễm nước	4,0	10,0	23,3	26,0	36,7	3,8
Nhà nước, doanh nghiệp, người dân cần chia sẻ việc xây dựng hệ thống tiêu thoát, xử lý nước thải tại các làng nghề	4,0	8,0	20,0	30,7	37,3	3,9
Tăng cường trách nhiệm bảo vệ môi trường nước của doanh nghiệp	6,7	13,3	20,7	29,3	30,0	3,6
Cần xây dựng quỹ để bảo vệ môi trường nước tại địa phương	10,0	11,3	19,3	29,3	30,0	3,6
Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ chế biến, sản xuất	5,3	8,7	18,7	30,7	36,7	3,8

Ghi chú: 1- Hoàn toàn không đồng ý; 2- Không đồng ý; 3- Đồng ý; 4- Khá đồng ý; 5- Hoàn toàn đồng ý với ý kiến đánh giá

Nguồn: Số liệu khảo sát của tác giả năm 2019-2020

Bảng 6 cho thấy, phần lớn các lãnh đạo doanh nghiệp đều nhận thức được một số

khía cạnh liên quan đến bảo vệ môi trường tại các làng nghề chế biến nông sản. Cụ thể,

là, họ cho rằng: Nhà nước cần có những quy định chặt chẽ hơn nhằm kiểm soát nguồn nước thải gây ô nhiễm, 40,7% số phiếu khảo sát tán thành cao nhất với ý kiến này; Nhà nước, doanh nghiệp, người dân cần chia sẻ việc xây dựng hệ thống tiêu thoát, xử lý nước thải tại các làng nghề, 37,3% số phiếu khảo sát tán thành cao nhất với ý kiến này; cần kiểm tra, giám sát chặt chẽ, xử phạt nghiêm khắc các trường hợp gây ô nhiễm nước và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ chế biến, sản xuất, 36,7% số phiếu khảo sát tán thành cao nhất với ý kiến; tăng cường trách nhiệm bảo vệ môi trường nước của doanh nghiệp và cần xây dựng quỹ để bảo vệ môi trường nước tại địa phương, 30,0% số phiếu tán thành cao nhất với ý kiến. Trong khi đó, tỷ lệ số phiếu hoàn toàn không đồng ý chiếm tỉ lệ thấp trong khảo sát. Điểm trung bình đánh giá mức độ nhận thức của lãnh đạo doanh nghiệp về việc cần gia tăng các hoạt động bảo vệ môi trường nước tại các làng nghề chế biến nông sản khu vực đồng bằng sông Hồng cao nhất là: Nhà nước cần có những quy định chặt chẽ hơn nhằm kiểm soát nguồn nước thải gây ô nhiễm và Nhà nước, doanh nghiệp, người dân cần chia sẻ việc xây dựng hệ thống tiêu thoát, xử lý nước thải tại các làng nghề; tiếp theo là: cần kiểm tra, giám sát chặt chẽ, xử phạt nghiêm khắc các trường hợp gây ô nhiễm nước và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ chế biến, sản xuất; sau cùng là: tăng cường trách nhiệm bảo vệ môi trường nước của doanh nghiệp và cần xây dựng quỹ để bảo vệ môi trường nước tại địa phương.

4. Giải pháp giảm thiểu ô nhiễm nước tại làng nghề chế biến nông sản vùng đồng bằng sông Hồng

Rõ ràng việc lãnh đạo các doanh nghiệp nhận thức được mức độ cần thiết của các giải pháp giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường nước cần phải thực hiện tại các làng nghề tương đối cao như kết quả khảo sát đã cho thấy một tín hiệu “tích cực” về việc các làng nghề có thể giải quyết được tình trạng ô nhiễm nước nếu có sự phối hợp chặt chẽ của Nhà nước, doanh nghiệp và người dân. Đây cũng là cơ sở để đề xuất các giải pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước cho khu vực:

Thứ nhất, cơ quan quản lý, chính quyền địa phương, doanh nghiệp, người dân cần tiếp tục đặt vấn đề giải quyết ô nhiễm môi trường nước lên hàng đầu. Bởi từ kết quả khảo sát cho thấy, đây vẫn là vấn đề nổi cộm mà cả chính quyền, doanh nghiệp, người dân tại các làng nghề chế biến nông sản đã nhận thức được, cần phải xử lý. Nguồn gây ô nhiễm có nguy cơ cao cần phải ngăn chặn một cách triệt để. Chẳng hạn, với các doanh nghiệp, hộ gia đình chế biến nông sản chính quyền, các nhà quản lý và các nhà khoa học cần tiến hành kiểm tra, giám sát một cách thường xuyên, liên tục hoạt động xả thải. Cần hướng dẫn các doanh nghiệp, hộ kinh doanh thực hiện quy trình sản xuất tiết kiệm nước cấp, hạn chế nước thải, thân thiện với môi trường, từ đó giảm bớt áp lực của nguồn nước thải tạo ra. Bên cạnh đó cũng cần kiên quyết xử lý các nguồn ô nhiễm khác từ sản xuất công nghiệp, sản xuất nông nghiệp... làm sạch trước khi xảy ra môi trường xung quanh.

Thứ hai, cần hoàn thiện hệ thống pháp lý, các quy định về môi trường, quản lý, bảo vệ môi trường nước tại các làng nghề nói chung, làng nghề chế biến nông sản nói riêng. Kết quả khảo sát chỉ ra, lãnh đạo các doanh nghiệp nhận thức được vẫn còn chưa có các quy định chặt chẽ trong kiểm soát nước thải gây ô nhiễm tại các làng nghề chế biến nông sản, việc đưa ra các quy định là cần thiết để quản lý và thực hiện kiểm soát ô nhiễm. Chẳng hạn, Việt Nam đã có quy chuẩn quốc gia về nước thải công nghiệp, nước thải sinh hoạt... nhưng đối với nước thải làng nghề thì chưa có văn bản nào quy định hay hướng dẫn.

Thứ ba, đẩy mạnh việc sử dụng các giải pháp kinh tế trong bảo vệ môi trường nước tại các làng nghề. Đặc biệt là các biện pháp mang tính chất kết hợp hành chính, quản lý nhà nước như thuế, phí nước thải. Hỗ trợ doanh nghiệp cải tiến công nghệ tiết kiệm nguồn nước, xử lý nước thải, sản xuất xanh. Thực tế khảo sát cũng cho thấy, các doanh nghiệp, hộ kinh doanh tại làng nghề cũng mong muốn áp dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, giảm thiểu lượng nước thải gây ô nhiễm tạo ra, đồng thời có hệ thống tiêu thoát, xử lý nước thải, song các doanh nghiệp còn hạn chế bởi nguồn vốn. Do vậy, việc triển khai các chương trình, gói hỗ trợ xử lý nước thải làng nghề từ các quỹ bảo vệ môi trường là rất cần thiết.

Thứ tư, nâng cao nhận thức hơn nữa của giới chủ doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh cá thể tại làng nghề về bảo vệ môi trường nước tại địa phương. Để từ đó biến nhận thức thành hành động cụ thể, các chủ thể gây ô nhiễm môi trường nước chính tại địa

phương có các sáng kiến, các giải pháp bảo vệ môi trường nước chung khu vực làng nghề. Đây cũng là điều mà cơ quan quản lý, giới chủ doanh nghiệp tại các làng nghề chế biến nông sản khu vực đồng bằng sông Hồng ý thức được. Chẳng hạn, thông qua việc chia sẻ kinh phí, nhân công xây dựng, vận hành hệ thống tiêu thoát, xử lý nước thải làng nghề từ nhà nước, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và người dân địa phương thì việc cải thiện chất lượng môi trường nước tại các làng nghề theo hướng khả quan là điều hoàn toàn có thể thực hiện được.

5. Kết luận

Kết quả khảo sát về nhận thức của lãnh đạo doanh nghiệp tư nhân liên quan đến vấn đề ô nhiễm nước sông tại làng nghề chế biến nông sản ở đồng bằng sông Hồng cho thấy, mức độ quan tâm của người dân là rất cao. Nguyên nhân gây ra ô nhiễm chủ yếu đến từ hoạt động sản xuất, chế biến nông sản của hộ gia đình, doanh nghiệp; tiếp đến là từ sinh hoạt của người dân; từ hoạt động sản xuất công nghiệp; hoạt động thương mại và các hoạt động khác. Đa số lãnh đạo doanh nghiệp đều nhận thấy ô nhiễm môi trường nước đang diễn ra nghiêm trọng tại các làng nghề. Các biện pháp bảo vệ môi trường nước về cơ bản được các lãnh đạo doanh nghiệp nhận thức rõ ràng như cần có những quy định chặt chẽ hơn nhằm kiểm soát ô nhiễm nguồn nước; nhà nước, doanh nghiệp, người dân cần chia sẻ việc xây dựng hệ thống tiêu thoát, xử lý nước thải tại làng nghề; kiểm tra, giám sát chặt chẽ,

xử phạt nghiêm khắc các trường hợp gây ô nhiễm nước...

Chú thích

² Bài viết này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam (NAFOSTED), trong đề tài mã số: 603.99 – 2018.301.

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Như Bình (2017), “Du lịch làng nghề ở Đông Nam Bộ - Thực trạng và một số giải pháp phát triển”, Tạp chí *Khoa học Đại học Đồng Nai*, số 7.
- [2] Bộ Tài Nguyên và Môi trường (2019), *Báo cáo môi trường năm 2018*, Nxb Tài nguyên và Môi trường, Hà Nội.
- [3] Võ Thành Danh (2010), “Đánh giá nhận thức của người dân về ô nhiễm nguồn nước sông”, Tạp chí *Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, số 15b.
- [4] Trịnh Thị Hòa (2007), “Khái niệm “bảo tàng” qua một số định nghĩa của Hội đồng Bảo tàng quốc tế”, *Bảo tàng Di tích - Một số vấn đề lý*

luận và thực tiễn, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội.

- [5] Phạm Côn Sơn (2004), *Làng nghề truyền thống Việt Nam*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
- [6] Dang Minh Phuong, Chennat Gopalakrishnan (2003), “An Application of the Contingent Valuation Method to Estimate the Loss of Value of Water Resources due to Pesticide Contamination: The Case of the Mekong Delta, Vietnam”, *International Journal of Water Resources Development*, Taylor and Francis, Vol.19, No.4, 617-633.
- [7] Đỗ Minh (2017), *Ô nhiễm môi trường làng nghề chế biến thực phẩm*, <http://mtnt.hoinongdan.org.vn/sitepages/news/1101/55587/o-nhiem-moi-truong-lang-nghe-che-bien-thuc-pham>, truy cập ngày 26 tháng 4 năm 2020.
- [8] Kiều Tuyết - Hải Hà (2020), *Cải thiện ô nhiễm nước thải làng nghề, không thể khoác chung một áo*, <http://vovgiaothong.vn/cai-thien-o-nhiem-nuoc-thai-lang-nghe-khong-the-khoac-chung-mot-ao>, truy cập ngày 26 tháng 4 năm 2020.
- [9] Lâm Nguyễn (2019), *Làng nghề chế biến nông sản, thực phẩm: Không thay đổi, khó phát triển*, <http://kinhthedoithi.vn/lang-nghe-che-bien-nong-san-thuc-pham-khong-thay-doi-kho-phat-trien-349923.html>, truy cập ngày 26/4/2020.